

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HS-ST

Ngày: 10/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Bé

Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 08/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HS ngày 19/5/2022, đối với các bị cáo:

1. Võ Việt T, sinh ngày 26/6/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ 4A, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn R (chết) và bà Đặng Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động Bảo trợ xã hội Phú Văn thời hạn 24 tháng, đến ngày 16/6/2017 chấp hành xong; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2021; bị cáo có mặt.

2. Phạm Ngọc D, sinh ngày 20/8/2002 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phan Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15/11/2021; bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/11/2021, Phạm Ngọc D và Võ Việt T gặp nhau tại khu vực ngã tư T, D rủ T hùn tiền mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý. D đưa

700.000 (bảy trăm nghìn) đồng cho T để mua ma túy. Khoảng 08 giờ 00 ngày 14/11/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 70H1-352.80 đi đến khu vực Ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người tên C (không rõ lai lịch) hỏi mua 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng ma túy. C nhận tiền rồi điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) đi một lúc rồi quay lại giao cho T 01 gói nylon chứa ma túy. T mang gói ma túy về nhà tại số 156/17B Đường P, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và gọi điện cho D biết đã mua được ma túy.

Khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, D đến nhà T, T lấy gói ma túy ra cho D xem và lấy một phần ma túy cho vào bộ dụng cụ để T và D sử dụng ma túy tại phòng ngủ của T. Vì ma túy trong bộ dụng cụ nhiều, nhưng không sử dụng hết nên T cho phần ma túy này vào trong 01 (một) gói nylon khác. Lúc này có 02 (hai) gói ma túy, T cất giấu 02 (hai) gói ma túy vào trong một chiếc hộp nhựa. Khi sử dụng ma túy xong, D đi về nhà. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, D đến nhà T chơi, T lấy ma túy trong 01 (một) gói ma túy bỏ vào bộ dụng cụ để sử dụng ma túy với D. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, D đi về.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 15/11/2021, D đến nhà của T, T đi ra ngoài và để lại hộp nhựa chứa 02 (hai) gói ma túy trên bàn trong phòng ngủ của T cho D trông giữ. Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, Công an xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính nhà của T. Lúc này, T không có ở nhà, thấy Công an đến kiểm tra nên D lấy hộp nhựa chứa 02 (hai) gói nylon ma túy cất giấu vào tủ thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với T và D: Dương tính.

Tại Kết luận giám định số 6205/KLGD-MT ngày 23/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tinh thể không màu trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Phạm Ngọc D và hình dấu Công an xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1618g, loại Methamphetamine.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong mang số vụ 1356/2021 có chữ ký niêm phong của Điều tra viên và Giám định viên;
- 01 (một) xe gắn máy biển số 70H1-352.80, nhãn hiệu Honda, loại Winner màu đỏ đen, số khung: RLHKC2601GY014777, số máy: KC26E1026846 (qua xác minh, số khung, số máy này có biển số đăng ký là 95P1-490.27);
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, có số Imei 1: 356525684413 798/01, số Imei 2: 359001164413796/01;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi có số Imei 1: 864795048914 055/02, Imei 2: 864795049524051/02;
- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 (một) hộp nhựa đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS.CC ngày 07/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Việt T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi thực hành quyền công tố đã đưa ra lập luận, tài liệu, chứng cứ để buộc tội bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Võ Việt T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: Các bị cáo T, D không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với T có nhân thân xấu: Năm 2015, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động Bảo trợ xã hội Phú Văn thời hạn 24 tháng, đến ngày 16/6/2017 chấp hành xong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo T.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mang số vụ 1356/2021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 (một) hộp nhựa đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, có số Imei 1: 356525684413 798/01, số Imei 2: 359001164413796/01; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi có số Imei 1: 864795048914055/02, Imei 2: 864795049524051/02

Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Củ Chi bảo quản 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đỏ đen, biển số 70H1-352.80 (qua xác minh, số khung, số máy xe này có biển số đăng ký là 95P1-490.27). Nếu trong thời hạn 01 (một) năm theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn này, tài sản sẽ được sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo T và D khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố, không bào chữa và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D: Bị cáo rất ăn ăn, hối hận về hành vi của mình nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Võ Việt T, Phạm Ngọc D tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 15/11/2021, các bị cáo Võ Việt T, Phạm Ngọc D có hành vi lưu giữ, cất giấu trái phép 2,1618 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine tại nhà của T ở Số 156/17B Đường P, ấp P, xã P, huyện Củ Chi với mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang.

[3] Các bị cáo T, D là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ ma túy là chất bị Nhà nước cấm lưu hành nhưng vẫn cố ý lưu giữ, cất giấu trái phép 2,1618 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine với mục đích sử dụng thì bị bắt như cáo trạng đã thể hiện. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[4] Ngoài ra, bị cáo T đã 02 (hai) lần chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy, cung cấp ma túy, địa điểm để thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo D. Hành vi này của bị cáo T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[5] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[6] Hành vi của các bị cáo T, D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Vì vậy, cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Bị cáo T 02 (hai) lần tổ chức cho bị cáo D sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng

trùng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Bị cáo T và D cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, là đồng phạm với nhau, nhưng mang tính chất giản đơn, hai bị cáo thống nhất cùng nhau góp tiền mua ma túy về nhà T cất giấu và sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau về tội danh này.

[8] Xét bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo T có nhân thân xấu: Năm 2015, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Các bị cáo T, D không có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với 01 gói niêm phong mang số vụ 1356/2021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) hộp nhựa đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 35652568 4413798/01, số Imei 2: 359001164413796/01; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh đen số Imei 1: 864795048914055/02, Imei 2: 864795049524051/02 là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc thống nhất với nhau mua ma túy về tàng trữ sử dụng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quyết định tịch nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đỏ đen, biển số 70H1-352.80 (qua xác minh, số khung, số máy xe này có biển số đăng ký là 95P1-490.27 do ông Trần Văn H đứng tên chủ sở hữu), là phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã ban hành Thông báo về việc truy tìm chủ sở hữu số 383/TB-CSĐT(MT) ngày 04/02/2022 đến nay chưa tìm được thông tin chủ sở hữu. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 4 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Củ Chi bảo quản. Nếu trong thời hạn 01 (một) năm theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn này, tài sản sẽ được sung vào ngân sách nhà nước.

[14] Các bị cáo T, D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Võ Việt T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Việt T 02 (hai) năm tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Võ Việt T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Võ Việt T 07 (bảy) năm tù.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Võ Việt T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.

4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc D 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.

5. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong mang số vụ 1356/2021 có chữ ký của Giám định viên và Điều tra viên;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 (một) hộp nhựa đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 356525684413798/01, số Imei 2: 359001164413796/01;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh đen số Imei 1: 864795048914055/02, Imei 2: 864795049524051/02.

Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Củ Chi bảo quản 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đỏ đen, biển số 70H1-352.80. Nếu trong thời hạn 01 (một) năm theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn này, tài sản sẽ được sung vào ngân sách nhà nước.

(Vật chứng đang quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi theo Phiếu nhập kho vật chứng số 28/PNK ngày 25/02/2022).

6. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo T và D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (03);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (08);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Sơn Hà